

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GL**

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày 27/6/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Viết Minh Quân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Do**

2. Bà **Nguyễn Thị Chín**

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLST – DS, ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST- DS ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Chính sách xã hội**

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo LĐ, quận HM, thành phố HN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N – Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Chấn S**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn CV, xã K’D, huyện Đ, tỉnh GL.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Võ Thị Thu L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn CV, xã K’D, huyện Đ, tỉnh GL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông Nguyễn Chấn S có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Đ 03 lần cụ thể như sau:

- Vào ngày 08/12/2008, ông S có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 31.300.000 đồng tiền chương trình học sinh sinh viên theo Hợp đồng tín dụng số 66000004200034448, ngày đến hạn trả nợ là 05/5/2017 và tiền lãi tính đến nay là 3.913.000đ.

- Vào ngày 23/11/2011 ông Nguyễn Chấn S có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng, nhận thành 02 lần: Vào ngày 23/11/2011, nhận

10.000.000 đồng và ngày 26/12/2012 nhận tiếp 10.000.000 đồng tiền chương trình học sinh sinh viên theo Hợp đồng tín dụng số 6000004200038880, ngày đến hạn trả nợ là 23/9/2016, chuyển nợ quá hạn ngày 08/10/2016. Đến ngày 31/10/2016, ông S đã trả 6.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại là 14.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến nay là 2.371.000đ.

- Vào ngày 08/4/2015, ông Nguyễn Chấn S vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng nhận nợ số 6600000703882284, vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, ngày đến hạn trả nợ là 08/4/2018. Ông S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng nên đã vi phạm theo thỏa thuận. Từ khi vay đến cuối năm 2015, ông S không trả lãi; đến ngày 08/01/2016, ông S mới trả tiền lãi 736.000đ, ngày 08/9/2016 trả lãi 100.000đ; ngày 10/12/2016 trả lãi 1.700.000đ và kể từ đó trở đi ông S không trả lãi cho Ngân hàng nữa. Tiền lãi tạm tính đến nay là 7.034.000đ.

Sau nhiều lần phối hợp với Tổ trưởng tổ vay vốn, Hội đoàn thể nhận ủy thác và UBND xã K'D đơn đốc hộ vay trả gốc và lãi đến hạn nhưng hộ vay vẫn chây ỳ không chịu trả nợ cho Ngân hàng.

Nay, yêu cầu ông Nguyễn Chấn S phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay còn nợ tổng cộng là 75.300.000đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính tạm tính đến ngày 27/6/2018 là 13.318.000 đồng.

Trong Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Chấn S, bà Võ Thị Thu L trình bày:

Bà công nhận đúng như lời trình bày trên của ông N. Ông Nguyễn Chấn S là chồng bà đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Đ ba lần cụ thể:

- Vào ngày 08/12/2008, ông S có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 31.300.000 đồng tiền chương trình học sinh sinh viên theo Hợp đồng tín dụng số 66000004200034448, ngày đến hạn trả nợ là 05/5/2017 và tiền lãi tính đến nay là 3.913.000đ.

- Vào ngày 23/11/2011 ông Nguyễn Chấn S có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng, nhận thành 02 lần: Vào ngày 23/11/2011, nhận 10.000.000 đồng và ngày 26/12/2012 nhận tiếp 10.000.000 đồng tiền chương trình học sinh sinh viên theo Hợp đồng tín dụng số 6000004200038880, ngày đến hạn trả nợ là 23/9/2016, chuyển nợ quá hạn ngày 08/10/2016. Đến ngày 31/10/2016, ông S đã trả 6.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại là 14.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến nay là 2.371.000đ.

- Vào ngày 08/4/2015, ông Nguyễn Chấn S vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng nhận nợ số 6600000703882284. Tuy nhiên đây không phải là khoản vay sản xuất kinh doanh mà là khoản vay theo diện hộ nghèo. Tiền lãi tạm tính đến nay là 7.034.000đ.

Trước khi mở phiên tòa, phía bị đơn đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng là trả mỗi tháng 15.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng sau đó Ngân hàng lại không chịu và đề nghị xét xử thì phía Ngân hàng phải chịu án phí chứ phía bị đơn không chịu.

Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông bà chưa trả được cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Nay, bị đơn xin trả dần cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 75.300.000 đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), trả 01 lần vào cuối năm 2018 và xin không trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa Ngân hàng chính sách xã hội với ông Nguyễn Chấn S phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản được xác lập giữa các bên; Bên vay tiền không có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp về dân sự; Ngân hàng chính sách xã hội là một chủ thể của giao dịch nên có quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội có hình thức và nội dung đảm bảo theo quy định của pháp luật; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bị đơn ông Nguyễn Chấn S vay Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh GL – Phòng giao dịch huyện Đ ba lần với tổng số tiền vay đến nay còn nợ là 75.300.000đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) thông qua Hợp đồng vay tiền, đến thời hạn trả nợ thì bị đơn không thực hiện như thỏa thuận đã ký kết nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền*”.

[3] *Về nội dung vụ án:* Theo các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh GL – Phòng giao dịch huyện Đ với ông Nguyễn Chấn S cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 66000004200034448 ngày 08/12/2008 ông S có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 31.300.000 đồng tiền chương trình học sinh sinh viên, ngày đến hạn trả nợ là 05/5/2017, chuyển nợ quá hạn ngày 10/5/2017;

- Hợp đồng tín dụng số 6000004200038880 ngày 23/11/2011 ông S có vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng, nhận thành 02 lần: Vào ngày 23/11/2011, nhận 10.000.000 đồng và ngày 26/12/2012 nhận tiếp 10.000.000 đồng tiền chương trình học sinh sinh viên, ngày đến hạn trả nợ là 23/9/2016, chuyển nợ quá hạn ngày 08/10/2016; Đến ngày 31/10/2016, ông S đã trả 6.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại là 14.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng nhận nợ số 6600000703882284 ngày 08/4/2015, ông S vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng nhận nợ số 6600000703882284, vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, ngày đến hạn trả nợ là 08/4/2018. Ông S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng nên đã vi

phạm theo thỏa thuận. Từ khi vay đến cuối năm 2015, ông S không trả lãi; đến ngày 08/01/2016, ông S mới trả tiền lãi 736.000đ, ngày 08/9/2016 trả lãi 100.000đ; ngày 10/12/2016 trả lãi 1.700.000đ và kể từ đó trở đi ông S không trả lãi cho Ngân hàng nữa.

Như vậy, ông S còn nợ lại tiền gốc là 75.300.000đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính đến nay ngày 27/6/2018 là 13.318.000đ; 3 khoản vay này là vay chương trình sinh viên và chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Như vậy giao dịch vay tiền giữa ông S với Ngân hàng chính sách xã hội là loại hợp đồng dân sự vay tiền có kỳ hạn, có lãi suất. Về nội dung và hình thức của giao dịch vay tài sản này không trái với quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực nên được pháp luật bảo vệ; mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, ông S đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và lãi khi đến hạn mặc dù Ngân hàng chính sách xã hội đã nhiều lần thông báo nhưng ông S vẫn không trả được nợ. Toàn bộ số tiền vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền nợ gốc 75.300.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 75.300.000 đồng và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày thu hồi được nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đề sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng: Các Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội

Buộc ông Nguyễn Chấn S phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay gốc 75.300.000đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử ngày 27/6/2018 là 13.318.000đ. Tổng cộng là 88.618.000đ (Tám mươi tám triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi, chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Chấn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước là: $88.618.000đ \times 5\% = 4.430.900đ$ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.086.219đ (Hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm mười chín đồng) theo biên lai số 0002447 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh GL.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh GL xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh GL;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân